

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST

Ngày 06-5-2019

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Khanh

Ông Nguyễn Văn Quyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện VB , thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VB , thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 319/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị M; nơi cư trú: Thôn X, xã VT, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Phạm Văn P ; nơi cư trú: Thôn 1, xã VT , huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị M trình bày: Chị và anh Phạm Văn P kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V , huyện VB , Hải Phòng vào ngày 11-3-2009. Quá trình chung sống, anh chị hoà thuận đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau nên đã xảy ra xô sát, bất hòa. Từ tháng 7/2014 đến nay,

vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị M xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị và anh Phạm Văn P có 01 con chung là Phạm Thị T, sinh ngày 31-12-2009, hiện đang ở với anh P. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Về tài sản: Chị và anh Phạm Văn P không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các văn bản tố tụng khác, bị đơn Phạm Văn P xác nhận điều kiện hoàn cảnh kết hôn như chị M trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận đến tháng 7/2014 thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau, hiểu lầm nhau về tình cảm nên đã xảy ra xô sát, bất hòa. Từ tháng 7/2014 đến nay, anh chị sống ly thân mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị M xin ly hôn, anh không đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Đặng Thị M có 01 con chung là Phạm Thị T, sinh ngày 31-12-2009, hiện đang ở với anh. Khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu chị M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Về tài sản: Anh và chị Đặng Thị M không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ, việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và các hoạt động tố tụng khác. Nguyên đơn đã chấp hành yêu cầu của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án như việc giao nộp chứng cứ, tham gia phiên họp, phiên hòa giải theo quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật như không tham gia phiên hòa giải, tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, việc bị đơn vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Đặng Thị M được ly hôn với anh Phạm Văn P. Về con chung: Giao con chung Phạm Thị T, sinh ngày 31-12-2009 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chị M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản: Chị M và anh P xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Anh Phạm Văn P có hộ khẩu thường trú tại thôn 1, xã VT, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án ly hôn giữa chị Đặng Thị M và anh Phạm Văn P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

[2] Bị đơn anh Phạm Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, tuy nhiên anh P vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Chị Đặng Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Văn P và chị Đặng Thị M.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị M và anh Phạm Văn P kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã VT, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 11-3-2009. Quá trình chung sống, anh chị hoà thuận thời gian đầu và có một con chung, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2014 do không hợp tính nhau nên đã xảy ra xô sát, bất hòa. Từ tháng 7 năm 2014 đến nay, anh chị sống ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị M nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P. Quá trình giải quyết vụ án, anh P không đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh P đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu

của chị Đặng Thị M xin ly hôn với anh Phạm Văn P phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Đặng Thị M và anh Phạm Văn P có 01 con chung là Phạm Thị T, sinh ngày 31-12-2009 hiện đang ở với anh P. Khi ly hôn, anh P và chị M thỏa thuận, anh P trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thỏa thuận về việc nuôi của anh chị, Hội đồng xét xử nhận định: Chị M và anh P đều có thu nhập ổn định, mặt khác con chung Phạm Thị T, sinh ngày 31-12-2009 có nguyện vọng xin ở với anh P. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị, giao con chung cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, chấp nhận sự thỏa thuận của anh P và chị M, chị M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), khoản cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 5/2019 là phù hợp.

[5] Về tài sản: Chị Đặng Thị M và anh Phạm Văn P xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 146, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị Đặng Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị M được ly hôn với anh Phạm Văn P.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Thị T , sinh ngày 31-12-2009 cho anh Phạm Văn P trực tiếp nuôi dưỡng, chị Đặng Thị M phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), thời hạn nuôi con, thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 5/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản: Chị Đặng Thị M và anh Phạm Văn P không có tài sản chung, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị M đã nộp tạm ứng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001251 ngày 10 tháng 12 năm 2018. Chị Đặng Thị M còn phải nộp tiếp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện VB ;
- VKSND thành phố Hải Phòng
- TAND Thành phố Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB ;
- UBND xã VT huyện VB, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương Huyền

